

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠT KIM PHƯỚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠT KIM PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703193696

**3. Ngày thành lập:** 07/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

15B Lý Tự Trọng , Phường Tân Phước Khánh, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0782304231

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4511     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4541     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4543     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng) | 4620     |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 11. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, Bán buôn đồ uống không có cồn (trừ quây bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633     |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, rơm, rạ, tre, nứa, gôm sứ; bán buôn đồ điện gia dụng và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn văn phòng phẩm; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn mắt kính, đồng hồ và trang sức; bán buôn máy chụp ảnh, máy quay phim, bộ nhớ - USB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác; bán buôn thiết bị dụng cụ đo lường, máy massage, máy lọc khí, máy lọc nước, dây chuyền sản xuất nước tinh khiết, máy sản xuất nước đá tinh khiết, bình đun nước nóng năng lượng mặt trời, máy rửa rau quả và thực phẩm, thiết bị máy xử lý rác thải; bán buôn máy xử lý rác thải, thiết bị y tế.                                                                                                                                                                                                | 4659        |
| 17. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết : Bán buôn xăng dầu DO, FO và các sản phẩm liên quan ( trừ dầu nhớt cặn và khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661        |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn xăng dầu DO, FO và các sản phẩm liên quan ( trừ dầu nhớt cặn và khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại sơn nước, sơn dầu, bột trét tường, thiết bị trang trí nội thất, vật liệu xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc, vải nhám, bao bì, bột giấy và sản phẩm giấy. Bán buôn hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp( không tồn trữ hoá chất), bán buôn hạt nhựa nhựa đường; bán buôn keo dán gỗ; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Bán buôn bê tông nóng. Bán buôn nhựa tổng hợp; Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh PP, PE; Bán buôn nhựa PVC( không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn mực in; bán buôn phân bón; phụ gia thực phẩm; bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy; bán buôn viên nén mùn cưa, viên nén mùn khói; bán buôn mút xốp để làm ghế sofa; bán buôn đá vôi, đá dolomite đã sơ chế và tinh chế; bán buôn sản phẩm bảo hộ lao động; bán buôn sản phẩm khác từ gỗ, viên nén gỗ, dăm gỗ | 4669(Chính) |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 22. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>(trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9511        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                           | 9529 |
| 24. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật kiểm định chất lượng công trình xây dựng bao gồm: Kiểm định vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cấu kiện xây dựng, kiểm định kết cấu công trình xây dựng ; kiểm định công trình xây dựng                                                                          | 7120 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 26. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)                                                                                                                                                                                | 0810 |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                | 1621 |
| 28. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1622 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất viên nén gỗ, dăm gỗ (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 1629 |
| 30. | Sản xuất sợi nhân tạo (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                            | 2030 |
| 31. | Sản xuất các cấu kiện kim loại (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                   | 2511 |
| 32. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                     | 2592 |
| 33. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                | 2740 |
| 34. | Sản xuất đồ điện dân dụng (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                        | 2750 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                         | 2790 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                      | 5229 |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết : Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới                                                                                                                                   | 5621 |
| 39. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ quầy bar, vũ trường)                                                                                                                                                                                                        | 5629 |
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                           | 7730 |
| 41. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                           | 7911 |
| 42. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                    | 8130 |
| 43. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng sắt, bằng inox, bằng gỗ (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                  | 3100 |
| 44. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất bảng hiệu, vật phẩm quảng cáo, các sản phẩm tổ chức sự kiện (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 3290 |
| 45. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                     | 3312 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị điện<br>(trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 47. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(không xử lý tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                          | 3700 |
| 48. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình ( văn phòng, chung cư, nhà ở và các công trình khác ) từ khởi công đến hoàn thiện.                                                                              | 4299 |
| 49. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại sơn nước, sơn dầu, bột trét tường, thiết bị trang trí nội thất, vật liệu xây dựng.                                     | 4752 |
| 51. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Họ và tên: NGUYỄN ĐẠT

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 11/10/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079090004503

Ngày cấp: 18/01/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tư Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *Lô H1 8.12 C/c Hoàng Diệu, Phường 09, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: 77/3C đường số 2, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐẠT

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/10/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079090004503

Ngày cấp: 18/01/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tư Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *Lô H1 8.12 C/c Hoàng Diệu, Phường 09, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: 77/3C đường số 2, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương